TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 21/2023/QĐST-DS	*T, ngày 04 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 351; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 90; 91; 95; 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 52/TB-TLVA ngày 17 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.**Nguyên đơn:** Công ty TNHH MTV Q

Trụ sở: Số x, phường L, quận H, thành phố H.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến Đ - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Đình T - Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

- Đại diện theo ủy quyền của công ty TNHH MTV Q: Ngân hàng TMCP B

Trụ sở: Số y, phường P, quận H, TP. H.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Quyết T - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Xuân H – Chuyên viên xử lý nợ của Ngân hàng TMCP B

2. Bị đơn:

- Ông Đặng Văn M1, sinh năm: 1979.

- Bà Phạm Thị M2, sinh năm 1979.

Đều có hộ khẩu thường trú và nơi ở: Cụm z, xã D, huyện T, thành phố H.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Đặng Thành Đ, sinh năm 1999

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952

Đều có hộ khẩu thường trú và nơi ở: Cụm z, xã D, huyện T, thành phố H.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về số tiền nợ và nghĩa vụ thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng số 181/2019/HĐTD2/BVB0039 ký ngày 12/3/2019:

Ông Đặng Văn M1 và bà Phạm Thị M2 xác nhận nợ và có trách nhiệm trả nợ cho công ty TNHH MTV Q số tiền theo Hợp đồng tín dụng số 181/2019/HĐTD2/BVB0039 ngày 12/3/2019 tổng số tiền 2.687.991.093 đồng (Hai tỷ sáu trăm tám mươi bẩy triệu chín trăm chín mươi mốt nghìn không trăm chín ba đồng). Trong đó nợ gốc là 1.875.005.000 đồng; Nợ lãi: 547.843.408 đồng; Lãi quá hạn 173.239.411 đồng; Lãi chậm trả 91.903.274 đồng tạm tính đến ngày 26/06/2023.

Ông Đặng Văn M1 và bà Phạm Thị M2 phải tiếp tục thanh toán các khoản nợ lãi phát sinh, lãi phạt, các chi phí phát sinh kể từ ngày 27/6/2023 theo quy định tại Hợp đồng tín dụng số 181/2019/HĐTD2/BVB0039 ký ngày 12/3/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Về xử lý tài sản thế chấp khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, ông Đặng Văn M1 và bà Phạm Thị M2 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ khoản nợ trên cùng các khoản lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh tại Hợp đồng tín dụng số

181/2019/HĐTD2/BVB0039 ký ngày 12/3/2019, thì Công ty TNHH MTV Q có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Tài sản bảo đảm là: Toàn bộ quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: Ô 19 lô 6, tờ bản đồ số: Quy hoạch phân ô khu đất KDDV, địa chỉ: Khu Đ, thôn D, xã D, huyện T, thành phố H. Theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số: BS 073693, số vào sổ cấp GCN: CH 00749, do UBND huyện T, thành phố H cấp ngày 29/4/2014 mang tên Đặng Văn M1. Hợp đồng thế chấp công chứng 1230.2019, quyển số: 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/3/2019 ký giữa ông Đặng Văn M1 và bà Phạm Thị M2 với ngân hàng TMCP B – Chi Nhánh H được Văn phòng công chứng L chứng nhận và đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Ông Đặng Văn M1 và bà Phạm Thị M2; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người đang sinh sống, quản lý tài sản thế chấp tại thời điểm xử lý tài sản có trách nhiệm bàn giao toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản, công trình gắn liền với đất cho cơ quan thi hành án có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

Số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm nêu trên được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Đặng Văn M1 và bà Phạm Thị M2 đối với Công ty TNHH MTV Q. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Đặng Văn M1 và bà Phạm Thị M2 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Công ty TNHH MTV Q.

3.Về án phí: Ông Đặng Văn M1 và bà Phạm Thị M2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 42.879.911 đồng (Bốn mươi hai triệu, tám trăm bảy mươi chín nghìn, chín trăm mười một đồng).

Trả lại Công ty TNHH MTV Q số tiền 39.094.000 đồng (ba mươi chín triệu không trăm chín mươi tư nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0023043 ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố H.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự

thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố H;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Đoàn Lan H